Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. *Giới thiệu chung về gói thầu:*

- Tên gói thầu: Cung cấp Âu phục cho Bệnh viện Mắt.
- Địa điểm: Bệnh viện Mắt-Số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Tp.HCM.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Mắt.
- Nguồn vốn: Quỹ phúc lợi.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

1.2. Phạm vi cung cấp:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Màu sắc, họa tiết
1	Áo sơ mi	Cái	330	- Màu trắng; - Kiểu dáng theo mẫu của bệnh viện.
2	Quần tây	Cái	330	- Màu xanh navy; - Kiểu dáng theo mẫu của bệnh viện.
3	Áo vest	Cái	90	- Màu xanh navy; - Kiểu dáng theo mẫu của bệnh viện.
4	Cà vạt	Cái	330	Nhà thầu đề xuất mẫu thiết kế cà vạt phù hợp với mẫu âu phục của Bệnh viện, đính kèm thông số kỹ thuật (nếu có).

1.3. Thông số kỹ thuật của Vải:

A. VẢI ÁO SƠ MI (KATE)

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Kết quả yêu cầu
1	Khối lượng vải (g/m^2):	123 ± 2
2	Mật độ vải (Sợi/10cm):	Dọc: 403 ± 2 Ngang: 316 ± 2

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Kết quả yêu cầu
3	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) ở 60ºC:	Dọc: -2.5 ± 0.2 Ngang: -0.5 ± 0.2
4	Độ bền màu giặt ở 60ºC (Cấp):	Phai màu : ≥ 4 Dây màu: ≥ 4
5	Định tính và định lượng nguyên liệu (%):	Rayon: 20 ± 2 Polyester: 80 ± 2
6	Độ dày vải (mm):	0.2 ± 0.02
7	Độ bền đường may (N):	Dọc: 387 ± 2 Ngang: 351 ± 2
8	Giá trị PH:	6.1 ± 0.2
9	Hàm lượng Formaldehyde (ppm):	Không phát hiện
10	Hàm lượng amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo (mg/kg):	Không phát hiện

B. VẢI QUẦN TÂY, ÁO VEST NAM

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Kết quả yêu cầu
1	Khối lượng vải (g/m^2):	249 ± 2
2	Mật độ vải (Sợi/10cm):	Dọc: 308 ± 2 Ngang: 240 ± 2
3	Độ dày vải (mm):	0.45 ±0.02
4	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) ở 60ºC:	Dọc: -2.2 ± 0.2 Ngang: -1.2 ± 0.2
5	Độ bền màu giặt ở 40ºC (Cấp):	Phai màu: ≥ 4 Dây màu: ≥ 4
6	Định tính và định lượng nguyên liệu (%):	Polyester: 67 ± 2 Rayon: 33 ± 2
7	Hàm lượng Formaldehyde (ppm):	Không phát hiện

C. ÁO VEST NỮ

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Kết quả yêu cầu
1	Khối lượng vải (g/m^2):	212 ± 2
2	Mật độ vải (Sợi/ 10cm):	Dọc: 427 ± 2 Ngang: 347 ± 2

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Kết quả yêu cầu
3	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) ở 60ºC:	Dọc: -0.6 ± 0.2 Ngang: -0.5 ± 0.2
4	Độ bền màu giặt ở 60ºC (Cấp):	Phai màu ≥ 4
5	Định tính và định lượng nguyên liệu (%):	Polyester: 95 ± 2 Spandex: 5 ± 2
6	Độ dày vải (mm):	0.67 ± 0.02
7	Độ bền kéo đứt (N):	Dọc: 897 ± 2 Ngang: 748 ± 2
8	Độ giãn đứt (%):	Dọc: 50 ± 2 Ngang: 47 ± 2
9	Độ trượt đường may (N):	Dọc: 170 ± 2 Ngang: 460 ± 2
10	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (D):	Dọc: 189 ± 2 Ngang: 187 ± 2
11	Độ bền xé rách (N):	Dọc: 76 ± 2 Ngang: 64 ± 2
12	Hàm lượng Formaldehyde (ppm):	Không phát hiện
13	Hàm lượng amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo (mg/kg):	Không phát hiện

1.4. Các yêu cầu khác:

- Cam kết hàng hóa cung cấp mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau.
- Cam kết hàng hóa phải đúng quy cách khi giao, không đứt nút, sứt chỉ, không rách. Các đường may phải thẳng, đều, không sùi chỉ, lỏng chỉ, bỏ mũi, tụt hoặc sổ chỉ.
- Cam kết chất liệu hàng hóa phải ổn định về mặt kết cấu và màu sắc: Không lem màu, không loan màu khi được giặt tẩy với xà bông.
- Cam kết khắc phục sửa chữa khi sản phẩm có sai sót do lỗi của nhà sản xuất trong quá trình sử dụng.
- Cam kết trước khi tiến hành may đại trà thì sản phẩm may mẫu phải được bệnh viện phê duyệt.
- Cam kết may theo yêu cầu của bệnh viện.
- Cam kết về đóng gói khi giao hàng hóa theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Cam kết đến Bệnh viện đo và may theo size của nhân viên Bệnh viện.
- Cam kết may mẫu tối thiểu 10 bộ âu phục trong thời gian 5 ngày (kể từ ngày bệnh viện yêu cầu và trước thời điểm ký kết hợp đồng) trình bệnh viện xem xét phê duyệt mẫu và đánh giá nhà thầu trước khi ký kết hợp đồng. Các mẫu phải cơ bản đạt chuẩn 80% và nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí nếu các mẫu này không đáp ứng yêu cầu của bệnh viện.
- Cam kết trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được việc đáp ứng điều khoản thương mại thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí do nhà thầu chi trả.
- Cam kết nhà thầu phải thu hồi hàng hóa không đủ tiêu chuẩn chất lượng.
- Cam kết Không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và Quốc tế;
- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói: Phải theo đúng quy định.
- Yêu cầu về vận chuyển: Hàng hóa phải được vận chuyển đến người sử dụng và theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Cam kết nhà thầu chịu toàn bộ chi phí vận tải, bốc xếp, bảo hiểm, cất giữ trong quá trình cung ứng hàng hóa, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng.
- Cam kết khắc phục sửa chữa các hư hỏng, sai sót và sẵn sàng thực hiện đổi trả hàng hóa trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của Bệnh viện thông báo hàng hóa không đúng theo quy định tại E-HSMT hoặc khi sản phẩm có sai sót do lỗi của nhà sản xuất trong quá trình sử dụng.
- Cam kết quy định hoàn tất:
  + Đóng gói từng sản phẩm riêng biệt vào bao ni lông trong.
  + Sản phẩm phải được ủi nhẹ, ủi xong treo lên. Sản phẩm sau khi ủi phải để bên ngoài 24h mới được đóng thùng.
  + Sản phẩm không được dơ, đúng canh sợi;
  + Sản phẩm đóng thùng phải thẳng, êm, không bị nhăn.
- Cam kết thời gian và địa điểm giao hàng:
  + Tổng thời gian: 90 ngày.
  + Địa điểm giao hàng: Số 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP.HCM.
- Bảo hành:
  + Bảo hành: Tối thiểu 06 tháng, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.
  + Địa điểm bảo hành: Số 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP.HCM.

1.5. Mẫu thiết kế:

– Bệnh viện đính kèm hình ảnh mẫu thiết kế để nhà thầu tham khảo:

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Bất cứ sản phẩm nào nếu có nghi ngờ chất lượng sản phẩm sẽ được tiến hành thử nghiệm để chứng minh chất lượng. Hàng hóa không đúng chất lượng, nhà thầu có trách nhiệm đổi trả, toàn bộ chi phí kiểm tra, kiểm nghiệm sẽ do nhà thầu chi phí, cơ quan kiểm tra, kiểm nghiệm sẽ do Chủ đầu tư quyết định.